

Số: 04/2021/QĐST-DS

Huyện T, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP H (tên viết tắt là H); địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường L, quận Đ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1977 - Chức danh: Tổng Giám đốc H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1982, chức vụ: Chuyên viên chính xử lý nợ khách hàng cá nhân - Phòng Xử lý nợ khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP H; địa chỉ: Tầng A, số B đường L, phường V, quận N, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/7/2020 và số 4312/2020/GUQ-TGĐ12 ngày 05/8/2020).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện T, thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Bùi Đức A, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện T, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị D phải trả cho H tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 18/3/2021 là 408.123.170 đồng (trong đó: Nợ gốc là 310.356.142 đồng, nợ lãi trong hạn là 90.132.612 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.634.415 đồng) theo Hợp đồng cho vay số 50/2018/HĐCV ngày 01/02/2018 và Khế ước nhận nợ số 50/2018/HĐCV ngày 05/02/2018.

Kể từ ngày 19/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (Mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng); nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của H thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục thanh toán cho H theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của H.

2.2. Bà Nguyễn Thị D thanh toán nợ tại điểm 2.1. nêu trên theo phương án sau:

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 18/3/2021, tháng thứ nhất và tháng thứ hai mỗi tháng bà Nguyễn Thị D trả 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào nợ gốc. Chậm nhất đến ngày 18/6/2021, bà Nguyễn Thị D trả hết toàn bộ khoản nợ cho H.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ như điểm 2.2. thì H được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau để xử lý thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích 200m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 446, tờ bản đồ số 30, tại thôn N, xã G, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số Đ 662964, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00624QSDĐ/3590/H do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 02/11/2004 cho người sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị D.

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ cho H mà còn dư thì sẽ được trả lại phần dư cho bà Nguyễn Thị D và anh Bùi Đức A; trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho H theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là

10.162.000 đồng (Đã làm tròn số). Trả lại cho H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.480.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015584 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Ninh